

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH HÓA
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2020/DS-ST

Ngày: 27-7-2020

V/v “*Tranh chấp HĐ hụi*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH HÓA, TỈNH LONG AN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Lành

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Trung

2. Ông Lê Hồng Xuân

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Võ Thị Thanh Thủy –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2020/TLST-DS ngày 09/6/2020 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng hụi*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hà Thị P, sinh năm 1972; Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Thạnh Hóa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga, sinh năm 1954; Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Thạnh Hóa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969 và ông Trần Văn C, sinh năm 1966; Địa chỉ: ấp Cả Cỏ, xã Thạnh Phú, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

(Tất cả có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hà Thị P do bà Nguyễn Thị Thanh Nga đại diện trình bày:

Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn C là hội viên, bà Hà Thị P là chủ hội. Bà T, ông C tham gia nhiều dây hội nhưng sau khi hết hội xong thì không đóng lại hội chết. Bà P phải tự bỏ tiền choàng (trả thay cho các hội viên khác). Cụ thể như sau:

Dây thứ nhất: Hội khai ngày 20/10/2017, hội 01 tháng khai 1 lần gồm 19 phần. Hội 3.000.000 đồng/phần. Dây hội này bà T tham gia một phần. Bà T đóng hội sống đến kỳ thứ 4 bỏ thăm 680.000 đồng hết được 41.100.000 đồng. Sau khi hết, bà T đóng hội chết đến kỳ thứ 7 thì ngưng không đóng. Bà P choàng hội cho bà T 9 kỳ là 27.000.000 đồng. Ngoài ra, trong kỳ thứ 7 còn nợ lại 1.000.000 đồng. Do đó, dây hội này bà T còn nợ là 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu). Hội đã mãn.

Dây thứ 2: Khai ngày 15/01/2017, 01 tháng khai 1 lần, gồm 12 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng. Bà T tham gia 2 phần. Bà T hết phần thứ 1 ở kỳ thứ 6, hết phần thứ 2 ở kỳ thứ 7. Sau khi hết bà T đóng hội đến kỳ thứ 8, kỳ thứ 9 đóng được 4.500.000 đồng. (Dây hội này bà T không đóng 3 kỳ thứ 10,11,12 của 2 phần và 5.500.000 đồng của kỳ thứ 9). Tổng cộng là 35.500.000 đồng. Hội đã mãn.

Dây thứ 3: Khai ngày 09/02/2016, hội 6 tháng khai một lần, gồm 11 phần, bà T tham gia 2 phần. Bà T hết hội ở kỳ thứ 3, sau đó đóng hội chết đến kỳ thứ 5 thì ngưng. Bà P choàng cho bà T 4 kỳ hội từ kỳ thứ 6 đến kỳ thứ 9 là 40.000.000 đồng. Dây hội này bà T đóng phần hội sống 4 kỳ 23.500.000 đồng. Khấu trừ phần hội sống, bà T còn nợ 16.550.000 đồng. Dây hội còn hai kỳ hội chết chưa đến hạn (tháng 9/2020 và tháng 2/2021).

Dây hội thứ 4: Khai ngày 09/02/2017, hội 6 tháng khai một kỳ, gồm 11 phần, mỗi phần 20.000.000 đồng. Bà T tham gia 2 phần. Bà T hết một phần ở kỳ thứ nhất. Sau đó đóng 1 phần hội chết và 1 phần hội sống đến kỳ thứ 2 thì ngưng. Bà P choàng cho bà T 5 phần hội chết 100.000.000 đồng (từ tháng 2/2018 đến tháng 2/2020). Khấu trừ số tiền hội sống bà T đóng 2 kỳ 26.000.000 đồng. Phần hội này bà T còn nợ bà P 74.000.000 đồng. Dây hội này còn 4 kỳ hội sống chưa đến hạn.

Tổng cộng 4 dây hội bà T còn nợ bà P 154.050.000 đồng. Sau khi chốt nợ, bà T trả cho bà P được 3 lần tổng cộng 25.000.000 đồng.

Như vậy, số tiền bà T, ông C còn phải đóng cho bà P là 129.050.000 đồng.

Tại phiên hòa giải, bà Nguyễn Thị Thanh Nga đại diện cho bà P, đồng ý giảm cho bà T, ông C một phần tiền hụi chưa đóng, yêu cầu bà T, ông C trả 115.000.000 đồng.

Bị đơn Nguyễn Thị T trình bày tại bản tự khai: Bà T thừa nhận có chơi các dây hụi như đại diện nguyên đơn trình bày.

Dây thứ nhất: Bà T còn nợ 9 kỳ là 27.000.000 đồng và kỳ thứ 7 còn nợ lại 1.000.000 đồng. Tổng cộng 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu). Tuy nhiên, ngày 06/3/2018, bà T có trả cho bà P 2.000.000 đồng nên dây này bà T còn nợ 26.000.000 đồng.

Dây thứ 2: Bà T thừa nhận còn nợ 35.500.000 đồng.

Dây thứ 3: Bà T thừa nhận còn nợ 16.550.000 đồng. Dây này còn 2 kỳ hụi chưa đến hạn.

Dây hụi thứ 4: Bà T còn nợ bà P 74.000.000 đồng. Dây này còn 4 kỳ hụi chưa đến hạn.

Tổng cộng 4 dây hụi bà T còn nợ bà P 152.050.000 đồng. Sau khi chốt nợ, bà T trả cho bà P được 10.000.000 đồng ngay sau khi chốt nợ. Sau đó, đến ngày 21/4/2019 trả 10.000.000 đồng; ngày 16/8/2019 trả 5.000.000 đồng. Ngày 22/3/2020 trả 10.000.000 đồng. Tổng cộng 25.000.000 đồng. Ngoài ra, bà T còn trả cho bà P thông qua bà Đào Thị Thúy An 25.000.000 đồng và bà Lê Thị Chậu 8.000.000 đồng. Tổng cộng trả thông qua bà An và bà Chậu là 33.000.000 đồng. Tổng số tiền bà T đồng ý trả cho bà P 84.050.000 đồng nhưng xin trả dần.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bà T không cung cấp được chứng cứ về số tiền trả thông qua bà An và và Chậu. Bà T không yêu cầu triệu tập người làm chứng Đào Thị Thúy An và Lê Thị Chậu. Bà T đồng ý số nợ 115.000.000 đồng nhưng xin trả dần.

Ông Trần Văn C vắng mặt tại phiên hòa giải. Tại phiên tòa, ông C có ý kiến thống nhất số nợ 115.000.000 đồng nhưng yêu cầu được trả dần.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Danh sách hụi viên của bốn dây hụi, giấy hỗ trợ vốn làm ăn (biên nhận giao tiền hụi bà T đã hốt).

Tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp: Bản tự khai ngày 10/7/2020; Bản tự khai của người làm chứng Đào Thị Thúy An.

Các bên không yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng, không bổ sung thêm chứng cứ.

Vấn đề các bên thống nhất: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn C còn nợ bà Hà Thị P 115.000.000 đồng tiền hụi chưa đóng.

Vấn đề không thống nhất: Bà Hà Thị P yêu cầu ông C, bà T trả tiền ngay, không đồng ý cho trả dần. Ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị T xin được trả dần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn và bị đơn cư trú tại huyện Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Hà Thị P khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị T trả số tiền nợ hụi 129.050.000 đồng. Ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị T thống nhất các dây hụi đúng như nguyên đơn trình bày. Tại bản tự khai, bà T xác định chỉ còn nợ bà P 84.050.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa bị đơn thống nhất số nợ 115.000.000 đồng. Sự thỏa thuận của các bên về số nợ phù hợp với quy định của pháp luật nên được công nhận.

Về thời gian trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu trả toàn bộ số nợ, bị đơn xin trả dần. Xét thấy số nợ trên là nợ hụi đã đến kỳ trả nhưng bị đơn không trả cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn đã phải thay bị đơn trả cho các hụi viên khác. Tại phiên tòa nguyên đơn không đồng ý cho bị đơn trả dần nên yêu cầu của bị đơn không được chấp nhận. Thời gian trả nợ sẽ được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

[6] Về án phí: Bị đơn, bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn C phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho bà Hà Thị P. Nguyên đơn Hà Thị P không phải chịu án phí. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà P.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 92 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 471, 357 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn C phải trả cho bà Hà Thị P 115.000.000 (Một trăm mười lăm triệu) đồng xuất phát từ hợp đồng hui.

Trong trường hợp người phải thi hành án chậm trả thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn C có nghĩa vụ nộp 5.750.000 đồng án phí DSST sung công quỹ nhà nước. Bà Hà Thị P không phải nộp án phí. Hoàn trả 3.226.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại lai thu 0003321 ngày 09/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thanh Hóa;
- CC.THADS huyện Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thúy Lành

